TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG HÒA** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20/7/2023
V/v: Ly hôn, giải quyết con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bế Ích Hòa và ông Bế Bình An.

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc: Yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phù Thị T, sinh năm 1998;

Bị đơn: Nông Chí N, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Xóm B B, xã B V Đ, huyện Quảng Hòa, Cao Bằng. Hai bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn Phù Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Chí N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn ngày 27/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Ẩu, huyện Phục Hòa (nay là xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hay cãi chửi nhau; anh N rượu chè bê tha, không chia sẻ công việc làm ăn, kinh tế gia đình và giúp vợ nuôi dạy con cái. Tháng 10/2022 chị T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết; tại phiên hòa giải năm 2022 anh N

yêu cầu được đoàn tụ, sau khi Toà án hoà giải chị T đã rút đơn xin ly hôn anh N. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh N không có sự thay đổi bản thân, không có giải pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn; nên tháng 4/2023 chị T lần nữa có đơn xin ly hôn anh Nông Chí N.

Về con chung: Chị và anh Nông Chí N có 01 con chung tên là Nông Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2019. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nông Chí N không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lý do chính đáng, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nông Chí N có mặt và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị Phù Thị T về thời gian kết hôn, con chung và vay nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, từ khi cháu Anh T được 11 tháng tuổi chị T ra ngoài kiếm tiền thì ít khi về nhà, không giúp gia đình nuôi con. Từ sau khi chị T rút đơn xin ly hôn lần đầu, do chị T đã chặn số điện thoại của anh nên có lần anh tìm đến nơi vợ làm việc để thăm, nhưng bị ông chủ nơi chị T đang làm việc chửi và không cho gặp. Mặc dù vậy anh vẫn còn tình cảm vợ, nên yêu cầu được đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh N không nhất trí để chị T nuôi cháu Nông Thị Anh T do cháu T ở với anh và ông bà nội từ khi còn nhỏ. Chị T thì đi ra ngoài kiếm tiền, hiện chưa có nhà riêng, không đủ điều kiện nuôi con chung. Nếu chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 01/6/2023, Tòa án đã xác minh tại Công an xã Bế Văn Đàn về thực trạng cư trú của anh Nông Chí N. Tuy anh N có hộ khẩu thường trú ở xóm Bản Buống, xã Bế Văn Đàn nhưng tại thời điểm xác minh anh N không có mặt ở địa phương. Còn quá trình xác minh tại chính quyền xóm Bản Buống, xã Bế Văn Đàn thì ở xóm không có thông tin gì về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, cũng chưa nhận được đơn yêu cầu của một trong hai bên gửi đến xóm yêu cầu giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Chị Phù Thị T và anh Nông Chí N kết hôn ngày 27/8/2018, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Âu (nay là xã Bế Văn Đàn). Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh N đã đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị T và anh N là vợ chồng hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 10/2022 chị T đã làm đơn ly hôn một lần nhưng qua hòa giải chị T đã rút đơn nhưng anh N không có biện pháp gì để hàn gắn nhằm duy trì hạnh phúc gia đình. Xét thấy, chị T không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Thị Anh T. Tuy nhiên chị T chưa có chỗ ở ổn định; cháu T ở với ông bà nội và anh N hơn 2 năm nay, được ông bà nội và bố chăm sóc cháu phát triển bình thường nên cần giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng và chị T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bởi các lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án để giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Nông Thị Anh T cho anh Nông Chí N và yêu cầu chị Phù Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung, hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phù Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nông Chí N, anh N có hộ khẩu thường trú tại huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phù Thị T và anh Nông Chí N đăng ký kết hôn ngày 27/8/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đã được Ủy ban nhân dân xã Triệu Ẩu, huyện Phục Hòa (nay là xã Bế Văn Đàn, huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do bất đồng về quan điểm sống, hay cãi chửi nhau; anh N rượu chè bê tha, không chia sẻ công việc làm ăn, kinh tế gia đình và giúp vợ nuôi dạy con cái. Hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Còn anh N cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, chưa đến mức phải ly hôn; anh N thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn.

Xét thấy, anh N cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng từ năm 2022 chị T viết đơn gửi Tòa án lần đầu; tuy nhiên từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng không quan tâm đến nhau; về phía anh N vẫn không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì hạnh phúc gia đình; tình cảm không được vun đắp dẫn đến mâu thuẫn không hàn gắn được, nên một lần nữa chị T lại có đơn xin ly hôn anh N. Như vậy, chị Phù Thị T không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phù Thị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Phù Thị T và anh Nông Chí N có 01 con chung là cháu Nông Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2019. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên chị T đang đi làm kiếm tiền ở tỉnh Bắc Giang, chưa có nhà riêng, nên không đủ điều kiện trong việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu T. Về phía anh N, hiện nay bên nội có nhà cửa ổn định, hơn nữa từ khi chị T đi làm thì cháu T đang sống ổn định cùng bố và ông bà nội tại quê nhà, nên tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu T. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu T, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nông Thị Anh T cho anh Nông Chí N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa anh N yêu cầu chị T cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu mức cấp dưỡng của anh N là quá cao so với thu nhập thực tế của người lao động tại địa phương; do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) là phù hợp.

Chị Thảo có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh N đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phù Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phù Thị T được ly hôn anh Nông Chí N.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Anh T, sinh ngày 19/7/2019 cho anh Nông Chí N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Phù Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Phù Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0004761 ngày 26 tháng 4 năm 2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng thu; nay chị Phù Thị T còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Bế Văn Đàn;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

Phùng Thị Mến

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Bế Văn Đàn;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Mến